

TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 13 - 01 - 2025

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi.

Các Hội thẩm N dân: Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

Ông Võ Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án N dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Như Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Phước B (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 10/5/1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế); số định danh cá N/CCCD: 046095012343; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường P, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); nghề nghiệp: Lao động; T độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Phước C, sinh năm 1964 và bà: Hồ Thị H, sinh năm: 1968; vợ: Nguyễn Thị Phương O, sinh năm 1996 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2022; chị, em ruột: gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 03; tiền án, tiền sự: Không.

Quá T N thân: Từ nhỏ ở với gia đình, học đến lớp 09/12 thì nghỉ học. Sau đó, học và làm nghề thợ chạm cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/2/2024 tại nhà tạm giữ Công an thành phố H (nay là nhà tạm giữ Công an quận T), sau đó chuyển sang Trại tạm giam Công an tỉnh T (nay là Trại tạm giam Công an thành phố H) cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Võ Thị Trà M, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); có mặt;

+ Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 3/312 đường Nguyễn Sinh C, phường V, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); vắng mặt;

+ Anh Trương Việt T, sinh năm 1992 và chị Trương Phương H, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Lô B5, đường 4A, khu đô thị Phú Mỹ T, phường P, thành phố H, tỉnh T (nay là quận Ta, thành phố H); đều vắng mặt;

+ Bà Nghiêm Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 9/208 đường P, phường P, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); có mặt;

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1942; địa chỉ: Số C233, khu đô thị P, thôn Dưỡng Mong, xã P, huyện P, tỉnh T (nay là thành phố H); vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Võ Quang N, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 92 đường Đinh T, phường Đ, thành phố H, tỉnh T (nay là quận P, thành phố H); vắng mặt;

+ Chị Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 1/3 đường B, phường H, thành phố H, tỉnh T (nay là quận P, thành phố H); có mặt;

+ Anh Hoàng Đình P, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 10/35 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); có mặt;

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 160 đường P, phường Tr, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); vắng mặt;

+ Chị Lê Thị Bé B, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); vắng mặt;

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị Khánh D, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 55 đường V, phường P, thành phố H, tỉnh T (nay là quận T, thành phố H); vắng mặt;

+ Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số C286, khu đô thị P, thôn D, xã P, huyện Ph, tỉnh T (nay là thành phố H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 21/01/2024 đến ngày 26/02/2024, Lê Phước B đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Huế (nay là quận T); 01 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn huyện P. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 21/01/2024, Lê Phước B điều khiển xe mô tô BKS: 75H1-330.73 đi tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà chị Võ Thị Trà M (SN: 1973) ở tổ dân phố Tây Trì Nhơn, phường P, thành phố Huế (nay là quận T), B phát hiện cửa sổ phòng ngủ nhà chị M không đóng. Trên giường sát cửa sổ có một túi xách, B đã lén lút lấy trộm túi xách nói trên. Sau khi kiểm tra thì phát hiện bên trong túi có 150.000 đồng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên “VÕ THỊ TRÀ M”, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên “VO THI TRA M” và 01 tờ giấy ghi sẵn mật khẩu thẻ ATM. Từ 18 giờ 45 phút đến 19 giờ 09 phút cùng ngày, B đã dùng thẻ ATM của chị M đến các trụ sở ATM của ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, thực hiện 11 lần rút tiền với tổng số tiền là 25.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được, B đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 04/02/2024, Lê Phước B điều khiển xe mô tô BKS: 75H1-330.73 đi tìm sơ hở để trộm cắp. Đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà bà Đỗ Thị M (SN: 1956) ở số 3/31 đường Nguyễn Sinh C, phường V, thành phố Huế (nay là quận T), quan sát thấy cổng và cửa nhà bà M không khóa nên B dừng xe ngoài đường và đột nhập vào nhà. B đi vào phòng ngủ, lục tìm trong tủ áo quần của bà M, lấy trộm 01 túi ni lông bên trong có 4.500.000 đồng, 01 thẻ căn cước công dân và thẻ bảo hiểm y tế mang tên “ĐỖ THỊ M”. Sau khi cất giấu số tài sản trên vào trong người, B đi đến bàn trang điểm thì phát hiện 01 hộp đựng nữ trang bên trong có: 01 sợi dây chuyền bằng vàng (hàm lượng 54,6%, khối lượng 8,92 gam), 01 mặt dây chuyền hình tròn bằng vàng (hàm lượng vàng 44,4%, khối lượng 0,78 gam, đính nhựa trang trí màu xanh không có giá trị) và 01 chiếc nhẫn bằng vàng (hàm lượng 99,9%, khối lượng 4,42 gam đính hạt nhựa trang trí màu xanh không có giá trị). Khi B đang lấy trộm số nữ trang nói trên thì bị bà M phát hiện và hỏi: “Mi làm chi rứa cu?”, thấy vậy B đi ra cửa phòng ngủ, đưa lại hộp nữ trang cho bà M. Do lúc này bà M đang đứng chống tay ở cửa phòng ngủ nên B hất tay bà M để bỏ chạy và lấy xe tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt được B tiêu xài cá N hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 09/02/2024, Lê Phước B mang theo 01 tuốc-nơ-vít màu đen và 01 cái kìm có cán màu đỏ đen, điều khiển xe mô tô BKS: 75H1-330.73 đi tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà anh Trương Việt T (SN: 1992) ở lô B5, đường 4A, khu đô thị Phú Mỹ Thượng, phường P, thành phố Huế (nay là quận T), quan sát thấy nhà đóng cửa, tắt điện nên B đem xe mô tô đến cất giấu cách nhà anh T khoảng 20 mét rồi đi lên sân thượng của một ngôi nhà xây dựng liền kề nhà anh T. B men theo mái nhà, đi tới ô thông gió tầng trên của nhà anh T. B dùng tuốc-nơ-vít mở cửa ô thông gió rồi đột nhập vào trong nhà. B đi vào phòng ngủ, lục tìm và lấy trộm 03 nhẫn đeo tay gồm 01 nhẫn đính hôn hiệu DOJL, 01 nhẫn kim cương PNJ 1.3*1.3 ly, 01 nhẫn kim cương PNJ 2.0*2.0 ly). Sau đó, B tiếp tục đi sang phòng khác, lấy trộm 02 cây đàn ghi-ta bằng gỗ màu vàng rồi đem toàn bộ tài sản chiếm đoạt được tẩu thoát theo đường cũ. B đem 02 cây đàn ghi-ta về nhà cất giấu, còn 03 chiếc nhẫn nói trên, B mang đến bán cho anh Võ Quang N (SN: 1970, trú tại số 92 đường Đinh T Hoàng, phường Đông Ba, thành phố Huế (nay là quận Phú Xuân)) – là chủ tiệm vàng Duy Mông ở chợ Đông Ba với số tiền khoảng 4.000.000 đồng. Ngày 22/02/2024, B mang 02 cây đàn ghi-ta nói trên đến bán cho anh Hoàng Đình P ở địa chỉ số 10/90 đường Nguyễn Huệ, thành phố Huế (nay là quận T) với giá 750.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, B tiêu xài cá N hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25/02/2024, Lê Phước B điều khiển xe mô tô BKS: 75H1-330.73 đi chơi. Khi đi qua đường Pha 2, phường P, thành phố Huế (nay là quận T), B phát hiện chị Nghiêm Thị H (SN: 1960, ở tại số 9/208 đường Phan Chu Trinh, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế (nay là quận T)) đang đi bộ một mình, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền (bằng kim loại vàng, hàm lượng 68%, khối lượng 8,78 gam). B đã áp sát chị H, dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, B đem sợi dây chuyền đến bán cho chị Trương Thị Cẩm T (SN: 1996, trú tại số 1/3 đường Bao

Vinh, phường Hương Vinh, thành phố Huế (nay là quận Phú Xuân)) – là N viên tiệm vàng Duy Mông ở chợ Đông Ba với giá 8.990.000 đồng. Số tiền này, B tiêu xài cá N hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 26/02/2024, Lê Phước B điều khiển xe mô tô BKS: 75H1-330.73 đi ăn sáng. Khi đi qua nhà số C233, khu đô thị Mỹ Thượng, thôn Dưỡng Mong, xã Phú Mỹ, huyện P, B phát hiện bà Trần Thị L (SN: 1942) đang đứng trước nhà, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền (bằng kim loại vàng, hàm lượng 49,7%, khối lượng 11,2 gam, đính 01 mặt vàng hàm lượng 53,48% bọc tượng Phật bằng nhựa không có giá trị màu xanh, tổng khối lượng 2,694 gam) nên B điều khiển xe chạy áp sát phía sau bà L rồi dùng tay phải giật sợi dây chuyền bà L đang đeo làm sợi dây bị đứt ra. Bà L ôm cổ lại nên B chưa lấy được sợi dây chuyền và nhanh chóng tẩu thoát.

Tại kết luận giám định số: 768/KL-KTHS ngày 19/4/2024 của Phân viện KH học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nêu ở mục 1.1 gửi giám định có kim loại vàng, hàm lượng kim loại vàng là 68%, khối lượng mẫu là 8,78 gam;
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nêu ở mục 1.2 gửi giám định có kim loại vàng, hàm lượng kim loại vàng là 54,6%, khối lượng mẫu là 8,92 gam;
- Phần kim loại của mặt dây chuyền nêu ở mục 1.3 gửi giám định có kim loại vàng, hàm lượng kim loại vàng là 44,4%, tổng khối lượng mẫu là 4,56 gam (tính cả tổng phần kim loại và chất màu xanh);
- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại vàng nêu ở mục 1.4 gửi giám định có kim loại vàng, hàm lượng kim loại vàng là 99,9%, tổng khối lượng mẫu là 4,42 gam (tính cả tổng phần kim loại và chất màu xanh).

Tại phiếu kết quả thử nghiệm số: 060324.001/TNV31 và số: 060324.002/TNV32 ngày 06/3/2024 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở KH học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị kết luận:

- Hàm lượng vàng của 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng là 49,7%, khối lượng 11,2 gam;
- Hàm lượng vàng của phần kim loại màu vàng bọc tượng Phật màu xanh là 53,48%, khối lượng 2,694 gam.

Tại kết luận định giá tài sản số: 2488/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố Huế kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng hàm lượng 68%, khối lượng 8,78 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 10.218.878 đồng;
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng hàm lượng 54,6%, khối lượng 8,92 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.876.528 đồng;
- 01 mặt dây chuyền hình tròn có phần kim loại vàng hàm lượng vàng 44,4% gắn với phần chất màu xanh, tổng khối lượng 4,56 gam (trong đó kim loại vàng 0,21 chỉ) tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 559.400 đồng;

- 01 chiếc nhẫn kim loại vàng hàm lượng 99,9%, khối lượng 4,42 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 5.994.000 đồng;

- 02 cây đàn ghi-ta màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện P kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng dài 42cm khi duỗi thẳng, hàm lượng vàng 49,7%, khối lượng 11,2 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 9.447.000 đồng;

- 01 mặt vàng bọc quanh tượng Phật màu xanh có hàm lượng 53,48%, khối lượng 2,694 gam tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 2.275.000 đồng.

Tổng giá trị chiếm đoạt là 11.722.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 2489/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Huế và công văn số: 2935/HĐĐGTS ngày 22/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất xác định không đủ cơ sở định giá đối với các tài sản gồm: 01 nhẫn đính hôn hiệu DOJI, 01 nhẫn kim cương PNJ 1,3*1,3 ly và 01 nhẫn kim cương PNJ 2,0*2,0 ly.

*** Về vật chứng vụ án:**

- 01 tuốc - nơ - vít dài 15cm, cán màu đen;

- 01 cái kìm dài 20cm, cán màu đỏ đen, có chữ MEANFAST;

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

- 01 xe mô tô BKS: 75H1-330.73;

- 01 sợi dây chuyền (bằng kim loại vàng, hàm lượng 54,6%, khối lượng 8,92 gam) có gắn mặt dây chuyền hình tròn (bằng kim loại vàng, hàm lượng 44,4%, khối lượng 0,78 gam đính nhựa trang trí không có giá trị màu xanh);

- 01 chiếc nhẫn (bằng kim loại vàng, hàm lượng 99,9%, khối lượng 4,42 gam đính hạt nhựa trang trí không có giá trị màu xanh);

- 01 sợi dây chuyền (bằng kim loại vàng, hàm lượng 68%, khối lượng 8,78 gam);

- 02 cây đàn ghi-ta gỗ màu vàng;

- 01 sợi dây chuyền (bằng kim loại vàng, hàm lượng 49,7%, khối lượng 11,2 gam) đính 01 mặt vàng (hàm lượng 53,48%, bọc tượng Phật bằng nhựa không có giá trị màu xanh, tổng khối lượng 2,694 gam).

Hiện các vật chứng này đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Võ Thị Trà M 15.000.000 đồng; bồi thường cho bà Đỗ Thị M 2.000.000 đồng; bồi thường cho vợ chồng anh Trương Việt T 4.000.000 đồng. Chị M, bà M, vợ chồng anh T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự, đồng thời xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo.

Anh Hoàng Đình P yêu cầu bị cáo bồi thường 750.000 đồng; chị Trương Thị Cẩm T yêu cầu bị cáo bồi thường 8.990.000 đồng. Đến nay, bị cáo Lê Phước B chưa bồi thường số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số: 75/CT-VKS-P2 ngày 21/10/2024, Viện kiểm sát N dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Viện kiểm sát N dân thành phố Huế) đã truy tố bị cáo Lê Phước B về tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Huế vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung trong bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Phước B phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Phước B từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù đối với tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Phước B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù đối với tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Buộc bị cáo Lê Phước B phải bồi thường cho anh Hoàng Đình P số tiền 750.000 đồng và chị Trương Thị Cẩm T số tiền 8.990.000 đồng.

** Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) tuốc - nơ - vít (dài 15cm, cán màu đen) và 01 (một) cái kìm (dài 20cm, cán màu đỏ đen, trên có chữ MEANFAST), đã niêm P, bị cáo làm công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị.

** Về án phí:* Buộc bị cáo Lê Phước B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Lê Phước B xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

thâm quyền, T tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá T điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/01/2024 đến ngày 26/02/2024, Lê Phước B dùng xe mô tô BKS: 75H1-330.73 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Huế, cụ thể: Chiếm đoạt 25.150.000 đồng của chị Võ Thị Trà M; chiếm đoạt 18.929.928 đồng của bà Đỗ Thị M; chiếm đoạt 27.895.000 đồng của anh Trương Việt T. Tổng số tiền bị cáo đã trộm cắp là 71.974.928 đồng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố của các bị hại là: Chị Nghiêm Thị H, trị giá tài sản bị cướp giật là 10.218.878 đồng và bà Trần Thị L, trị giá tài sản bị cướp giật là 11.722.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cướp giật là 21.940.878 đồng. Hành vi 02 lần sử dụng xe mô tô để đi cướp giật tài sản của B đã trực tiếp xâm hại đến tài sản, gây nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của người khác, thuộc trường hợp “*dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Ngoài ra, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bà L đã trên 70 tuổi nên được xác định là “*người già yếu*”.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát N dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Viện kiểm sát N dân thành phố Huế) đã truy tố bị cáo Lê Phước B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Lê Phước B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bản chất lười lao động, muốn hưởng thụ bằng sức lao động của người khác mới dẫn đến việc phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá T điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình*”, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội; bị cáo đã tác động gia đình “*Bồi thường thiệt hại, khắc phục*

hậu quả” đối với tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại là bà Nghiêm Thị H và bà Trần Thị L đã nhận lại tài sản; chị Võ Thị Trà M, bà Đỗ Thị M và vợ chồng anh Trương Việt T đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Đình P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 750.000 đồng và chị Trương Thị Cẩm T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.990.000 đồng. Xét yêu cầu của anh P và chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc bị cáo Lê Phước B phải bồi thường cho anh Hoàng Đình P số tiền 750.000 đồng và chị Trương Thị Cẩm T số tiền 8.990.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) tuốc - nơ - vít (dài 15cm, cán màu đen) và 01 (một) cái kìm (dài 20cm, cán màu đỏ đen, trên có chữ MEANFAST), được niêm P trong túi niêm P bằng bì thư giấy dán kín, mặt ngoài túi niêm P có chữ ký họ tên của Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thanh Ngọc, Lê Phước B và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế, bị cáo làm công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về các đối tượng liên quan khác trong vụ án:

Đối với anh Võ Quang N, chị Trương Thị Cẩm T và anh Hoàng Đình P không biết các tài sản B bán là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý;

Đối với anh Nguyễn Văn T: Không biết việc B thuê xe mô tô BKS: 75H1-330.73 để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Phước B phải chịu số tiền là: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Phước B phải chịu số tiền là: $(750.000 \text{ đồng} + 8.990.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 487.000$ (bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Phước B phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Phước B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đối

với tội “Cướp giật tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Phước B 02 (hai) năm tù đối với tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Lê Phước B phải chấp hành hình phạt là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 28/2/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 579, Điều 580, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Phước B phải trả cho anh Hoàng Đình P 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và chị Trương Thị Cẩm T 8.990.000 (tám triệu, chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tuốc - nơ - vít (dài 15cm, cán màu đen) và 01 (một) cái kìm (dài 20cm, cán màu đỏ đen, trên có chữ MEANFAST), được niêm P trong túi niêm P bằng bì thư giấy dán kín, mặt ngoài túi niêm P có chữ ký họ tên của Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thanh Ngọc, Lê Phước B và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế.

Các vật chứng trên có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng Điều 21, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Phước B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Phước B phải chịu 487.000 (bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Huế;
- Sở Tư pháp thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;
- CQ THAHS CA thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Huế;
- Trại tạm giam CA thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSVA, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Đào Vi

